

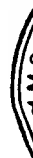


BÁO CÁO TÀI CHÍNH

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN AN BÌNH

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017

(đã được soát xét)



CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN AN BÌNH

101 Phố Láng Hạ, Phường Láng Hạ,
Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội

NỘI DUNG

	Trang
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	02-03
Báo cáo soát xét thông tin tài chính giữa niên độ	04
Báo cáo tài chính giữa niên độ đã được soát xét	05-40
<i>Trong đó:</i>	
Báo cáo tình hình tài chính	05-07
Báo cáo kết quả hoạt động	08-09
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	10-12
Báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu	13
Thuyết minh Báo cáo tài chính	14-40

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN AN BÌNH

101 Phố Láng Hạ, Phường Láng Hạ,
Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Chứng khoán An Bình (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính của Công ty cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Chứng khoán An Bình được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0103013960 do Sở kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 26/9/2006 và hoạt động theo Giấy phép hoạt động kinh doanh chứng khoán số 16/UBCK-GPHĐKD do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 29 tháng 09 năm 2006, Giấy phép điều chỉnh số 178/UBCK-GP do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 10 tháng 12 năm 2008, Giấy phép điều chỉnh số 365/UBCK-GP do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 02 tháng 11 năm 2010.

Trụ sở của Công ty tại: 101 Phố Láng Hạ, Phường Láng Hạ, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong kỳ và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Vũ Văn Tiền	Chủ tịch	
Ông Bùi Trung Kiên	Ủy viên	
Ông Đào Mạnh Kháng	Ủy viên	
Bà Nguyễn Thị Hương	Ủy viên	Bổ nhiệm ngày 21/4/2017
Ông Trương Ngọc Lân	Ủy viên	Bổ nhiệm ngày 21/4/2017

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Công ty trong kỳ và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Nguyễn Thanh Hải	Tổng Giám đốc	
Bà Nguyễn Thị Khánh	Phó Tổng Giám đốc	Miễn nhiệm ngày 01/07/2017
Bà Phạm Thị Vân	Kế toán trưởng	

Các thành viên của Ban Kiểm soát bao gồm:

Bà Chu Thị Hường	Trưởng ban	
Ông Nguyễn Văn Trung	Ủy viên	Miễn nhiệm ngày 21/4/2017
Bà Vũ Thị Chinh	Ủy viên	Bổ nhiệm ngày 21/4/2017
Bà Vũ Thị Hương Trà	Ủy viên	

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Kiểm toán và Thẩm định giá Việt Nam đã thực hiện soát xét các Báo cáo tài chính cho Công ty.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN AN BÌNH

101 Phố Láng Hạ, Phường Láng Hạ,
Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động, tình hình lưu chuyển tiền tệ và tình hình biến động vốn chủ sở hữu của Công ty trong kỳ. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc và Ban quản trị Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán Việt Nam áp dụng đối với công ty chứng khoán và các quy định hiện hành có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính;
- Lập các Báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định pháp lý của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 30 tháng 06 năm 2017, kết quả hoạt động, tình hình lưu chuyển tiền tệ và tình hình biến động vốn chủ sở hữu cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017, phù hợp với Chuẩn mực, Chế độ kế toán Việt Nam áp dụng đối với công ty chứng khoán và tuân thủ các quy định hiện hành có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Cam kết khác

Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 155/2015/TT-BTC ngày 06 tháng 10 năm 2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.



Thay mặt Ban Tổng Giám đốc

Nguyễn Thanh Hải
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 11 tháng 07 năm 2017



Công ty TNHH Kiểm toán và Thẩm định giá Việt Nam

Địa chỉ: Tầng 14 Tòa nhà Sudico, đường Mễ Trì

P. Mỹ Đình 1, Q. Nam Từ Liêm, Hà Nội, Việt Nam

Tel: (+84 4) 3868 9566 / (+84 4) 3868 9588

Fax: (+84 4) 3868 6248

Web: kiemtoanava.com.vn

Số: 570/BCKT/TC/VN8

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Kính gửi: Quý Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Chứng khoán An Bình

Chúng tôi đã soát xét Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Chứng khoán An Bình được lập ngày 11 tháng 07 năm 2017, từ trang 05 đến trang 40, bao gồm: Báo cáo tình hình tài chính giữa niên độ tại ngày 30 tháng 06 năm 2017, Báo cáo kết quả hoạt động giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ, Báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu giữa niên độ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán Việt Nam áp dụng đối với công ty chứng khoán và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về Báo cáo tài chính giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 – Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Kết luận của kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Chứng khoán An Bình tại ngày 30 tháng 06 năm 2017, kết quả hoạt động, tình hình lưu chuyển tiền tệ và tình hình biến động vốn chủ sở hữu của Công ty cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán Việt Nam áp dụng đối với công ty chứng khoán và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.



Nguyễn Bảo Trung

Phó Tổng Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán

Số: 0373-2014-126-1

Hà Nội, ngày 11 tháng 08 năm 2017

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN AN BÌNH

101 Phố Láng Hạ, Phường Láng Hạ,
Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2017

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	30/06/2017	01/01/2017
			VND	VND
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		444.329.107.725	525.459.773.332
110	I. Tài sản tài chính		439.722.565.142	523.090.467.923
111	1. Tiền và các khoản tương đương tiền	4	34.086.951.352	84.004.646.742
111.1	1.1 Tiền		23.796.951.352	84.004.646.742
111.2	1.2 Các khoản tương đương tiền		10.290.000.000	-
112	2. Các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL)	5	87.421.412.878	110.826.315.388
114	4. Các khoản cho vay	5	305.859.387.347	316.726.845.360
116	6. Dự phòng suy giảm giá trị các tài sản tài chính và tài sản thế chấp	6	(13.970.236.377)	(16.092.022.138)
117	7. Các khoản phải thu	7	21.865.788.101	22.765.598.203
117.1	7.1 Phải thu bán các tài sản tài chính		21.848.982.544	22.215.598.203
117.2	7.2 Phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi các tài sản tài chính		16.805.557	550.000.000
117.3	7.2.1 Phải thu cổ tức, tiền lãi đến ngày nhận		16.805.557	550.000.000
118	8. Trả trước cho người bán		35.000.000	599.196.950
119	9. Phải thu các dịch vụ công ty chứng khoán cung cấp	7	2.070.349.319	1.895.388.409
122	12. Các khoản phải thu khác	7	5.871.762.742	5.882.349.229
129	13. Dự phòng suy giảm giá trị các khoản phải thu	8	(3.517.850.220)	(3.517.850.220)
130	II. Tài sản ngắn hạn khác		4.606.542.583	2.369.305.409
131	1. Tạm ứng		1.166.516.230	478.073.750
133	3. Chi phí trả trước ngắn hạn		2.854.317.494	1.752.231.176
135	5. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ		27.446.070	-
137	7. Tài sản ngắn hạn khác		558.262.789	139.000.483
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		176.692.258.902	161.042.097.126
210	I. Tài sản tài chính dài hạn		20.000.000.000	5.000.000.000
212	2. Các khoản đầu tư	9	20.000.000.000	5.000.000.000
212.4	2.4 Đầu tư dài hạn khác		20.000.000.000	5.000.000.000
220	II. Tài sản cố định		143.381.704.107	139.302.974.944
221	1. Tài sản cố định hữu hình	10	12.225.563.618	12.313.337.306
222	- Nguyên giá		27.315.723.276	26.798.723.276
223a	- Giá trị hao mòn lũy kế		(15.090.159.658)	(14.485.385.970)
227	3. Tài sản cố định vô hình	11	131.156.140.489	126.989.637.638
228	- Nguyên giá		157.496.618.798	151.515.305.185
229a	- Giá trị hao mòn lũy kế		(26.340.478.309)	(24.525.667.547)
240	IV. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang		-	4.826.313.613
250	V. Tài sản dài hạn khác		13.310.554.795	11.912.808.569
251	1. Cầm cố, thế chấp, ký quỹ, ký cược dài hạn		752.188.416	747.188.416
254	4. Tiền nộp Quỹ Hỗ trợ thanh toán	12	12.558.366.379	11.165.620.153
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		621.021.366.627	686.501.870.458

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN AN BÌNH

101 Phố Láng Hạ, Phường Láng Hạ,
Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2017

(tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	30/06/2017	01/01/2017
			VND	VND
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		197.552.076.621	259.148.970.282
310	I. Nợ phải trả ngắn hạn		197.517.806.346	259.148.970.282
311	1. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	13	191.137.372.654	166.606.080.573
312	1.1 Vay ngắn hạn		191.137.372.654	166.606.080.573
318	6. Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán	14	1.491.916.809	1.752.012.060
320	8. Phải trả người bán ngắn hạn		1.519.906.625	502.386.610
321	9. Người mua trả tiền trước ngắn hạn		1.266.916.737	1.082.566.077
322	10. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	15	881.940.089	4.456.863.054
323	11. Phải trả người lao động		5.000.000	1.206.899.615
324	12. Các khoản trích nộp phúc lợi nhân viên		16.700.310	18.497.370
325	13. Chi phí phải trả ngắn hạn		611.185.627	863.913.298
328	16. Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn		156.000.000	216.000.000
329	17. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	16	430.867.495	82.443.751.625
340	II. Nợ phải trả dài hạn		34.270.275	-
356	1. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	30.	34.270.275	-
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		423.469.290.006	427.352.900.176
410	I. Vốn chủ sở hữu	17	423.469.290.006	427.352.900.176
411	1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu		397.000.000.000	397.000.000.000
411.1	1.1 Vốn góp của chủ sở hữu		397.000.000.000	397.000.000.000
411.1a	Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		397.000.000.000	397.000.000.000
414	4. Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ		4.483.556.057	3.331.847.240
415	5. Quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ		4.483.556.057	3.331.847.240
417	7. Lợi nhuận chưa phân phối		17.502.177.892	23.689.205.696
417.1	7.1 Lợi nhuận sau thuế đã thực hiện		24.629.815.555	27.650.269.081
417.2	7.2 Lợi nhuận chưa thực hiện		(7.127.637.663)	(3.961.063.385)
440	TỔNG CỘNG NỢ VÀ VỐN CHỦ SỞ HỮU		621.021.366.627	686.501.870.458

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	30/06/2017	01/01/2017
A. TÀI SẢN CỦA CÔNG TY CHỨNG KHOÁN VÀ TÀI SẢN QUẢN LÝ THEO CAM KẾT				
008	8. Tài sản tài chính niêm yết/đăng ký giao dịch tại VSD của công ty chứng khoán	18	34.173.780.000	33.274.480.000
009	9. Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSD và chưa giao dịch của công ty chứng khoán	19	16.660.000	180.000
012	12. Tài sản tài chính chưa lưu ký tại VSD của công ty chứng khoán	20	84.782.000.000	83.525.750.000
B. TÀI SẢN VÀ CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ VỀ TÀI SẢN QUẢN LÝ CAM KẾT VỚI KHÁCH HÀNG				
021	1. Tài sản tài chính niêm yết/đăng ký giao dịch tại VSD của Nhà đầu tư	21	3.717.516.300.000	3.805.550.950.000
021.1	a. Tài sản tài chính giao dịch dự do chuyển nhượng		3.009.470.320.000	3.266.481.020.000
021.2	b. Tài sản tài chính hạn chế chuyển nhượng		39.512.330.000	36.992.030.000
021.3	c. Tài sản tài chính giao dịch cầm cố		619.791.380.000	468.601.380.000
021.5	e. Tài sản tài chính chờ thanh toán		48.742.270.000	33.476.520.000
022	2. Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSD và chưa giao dịch của Nhà đầu tư	22	3.802.370.000	15.731.370.000
022.1	a. Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSD và chưa giao dịch, tự do chuyển nhượng		3.675.890.000	15.374.670.000
022.2	b. Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSD và chưa giao dịch, hạn chế chuyển nhượng		126.480.000	356.700.000
026	7. Tiền gửi của khách hàng	23	223.996.188.874	161.886.706.019
027	7.1 Tiền gửi của Nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý		223.989.522.724	161.826.641.788
030	7.4 Tiền gửi của Tổ chức phát hành chứng khoán		6.666.150	60.064.231
031	8. Phải trả Nhà đầu tư về tiền giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	24	223.989.522.724	161.826.641.788
035	12. Phải trả cổ tức, gốc và lãi trái phiếu	25	6.666.150	60.064.231

[Handwritten signature]

[Handwritten signature]



Quách Thị Xuân Thu
Người lập

Phạm Thị Vân
Kế toán trưởng

Nguyễn Thanh Hải
Tổng Giám đốc
Hà Nội, ngày 11 tháng 07 năm 2017

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Từ 01/01/2017	Từ 01/01/2016
			đến 30/06/2017	đến 30/06/2016
			VND	VND
	I. DOANH THU HOẠT ĐỘNG			
01	1.1 Lãi từ các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL)		2.823.109.271	4.419.477.014
01.1	a. Lãi bán các tài sản tài chính FVTPL	27.a)	1.395.098.209	1.136.680.557
01.2	b. Chênh lệch tăng về đánh giá lại các TSTC FVTPL	27.b)	171.351.376	1.964.025.067
01.3	c. Cổ tức, tiền lãi phát sinh từ tài sản tài chính FVTPL	27.c)	1.256.659.686	1.318.771.390
03	1.3 Lãi từ các khoản cho vay và phải thu	27.c)	18.973.771.942	17.518.635.954
06	1.6 Doanh thu nghiệp vụ môi giới chứng khoán		11.601.439.036	13.192.661.191
07	1.7 Doanh thu nghiệp vụ bảo lãnh, đại lý phát hành chứng khoán		10.486.444	43.799.318
08	1.8 Doanh thu nghiệp vụ tư vấn đầu tư chứng khoán		300.000.000	50.000.000
09	1.9 Doanh thu nghiệp vụ lưu ký chứng khoán		1.008.219.922	754.479.647
10	1.10 Doanh thu hoạt động tư vấn tài chính		956.818.182	1.706.363.636
11	1.11 Thu nhập hoạt động khác	27.d)	1.937.619.380	2.015.993.460
20	Cộng doanh thu hoạt động		37.611.464.177	39.701.410.220
	II. CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG			
21	2.1 Lỗ các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL)		4.156.772.695	4.113.822.768
21.1	a. Lỗ bán các tài sản tài chính FVTPL	27.a)	853.117.316	4.113.822.768
21.2	b. Chênh lệch giảm đánh giá lại các tài sản tài chính FVTPL	27.b)	3.303.655.379	-
24	2.4 Chi phí dự phòng tài sản tài chính, xử lý tổn thất các khoản phải thu khó đòi và lỗ suy giảm tài sản tài chính và chi phí đi vay của các khoản cho vay		2.494.902.798	3.200.797.536
26	2.6 Chi phí hoạt động tự doanh		23.093.959	42.232.024
27	2.7 Chi phí nghiệp vụ môi giới chứng khoán		5.020.291.140	5.947.247.261
30	2.10 Chi phí nghiệp vụ lưu ký chứng khoán		1.019.476.659	1.045.676.801
31	2.11 Chi phí hoạt động tư vấn tài chính		741.000.000	370.000.000
32	2.12 Chi phí các dịch vụ khác	28	15.550.000	12.677.000
40	Cộng chi phí hoạt động		13.471.087.251	14.732.453.390
62	VI. CHI PHÍ QUẢN LÝ CÔNG TY CHỨNG KHOÁN	29	16.869.326.872	16.085.882.554
70	VII. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG		7.271.050.054	8.883.074.276

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN AN BÌNH

101 Phố Láng Hạ, Phường Láng Hạ,
Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Từ 01/01/2017	Từ 01/01/2016
			đến 30/06/2017	đến 30/06/2016
			VND	VND
VIII. THU NHẬP KHÁC VÀ CHI PHÍ KHÁC				
71	8.1 Thu nhập khác		16.419.634	153.578.829
72	8.2 Chi phí khác		240	9.174.510
80	Cộng kết quả hoạt động khác		16.419.394	144.404.319
90	IX. TỔNG LỢI NHUẬN KẾ TOÁN TRƯỚC THUẾ		7.287.469.448	9.027.478.595
91	9.1 Lợi nhuận đã thực hiện		10.419.773.451	7.063.453.528
92	9.2 Lợi nhuận chưa thực hiện		(3.132.304.003)	1.964.025.067
100	X. CHI PHÍ THUẾ TNDN	30	849.079.618	1.607.726.259
100.1	10.1 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành		814.809.343	1.607.726.259
100.2	10.2 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại		34.270.275	-
200	XI. LỢI NHUẬN KẾ TOÁN SAU THUẾ TNDN		6.438.389.830	7.419.752.336
300	XII. THU NHẬP (LỖ) TOÀN DIỆN KHÁC SAU THUẾ TNDN			
301	12.1 Lãi/(Lỗ) từ đánh giá lại các tài sản tài chính sẵn sàng để bán		(3.132.304.003)	1.964.025.067
400	Tổng thu nhập toàn diện		(3.132.304.003)	1.964.025.067
500	XIII. THU NHẬP THUẦN TRÊN CỔ PHIẾU PHỔ THÔNG			
501	13.1 Lãi cơ bản trên cổ phiếu (Đồng/1 cổ phiếu)	31	162	187

[Handwritten signature]

[Handwritten signature]



Quách Thị Xuân Thu
Người lập

Phạm Thị Vân
Kế toán trưởng *[Handwritten initials]*

Nguyễn Thanh Hải
Tổng Giám đốc
Hà Nội, ngày 11 tháng 07 năm 2017

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017
(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Từ 01/01/2017	Từ 01/01/2016
			đến 30/06/2017	đến 30/06/2016
			VND	VND
	I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
01	1. Lợi nhuận trước thuế thu nhập doanh nghiệp		7.287.469.448	9.027.478.595
02	2. Điều chỉnh cho các khoản		4.897.681.691	5.033.276.366
03	- Khấu hao tài sản cố định		2.419.584.450	2.192.606.142
04	- Các khoản dự phòng		(2.121.785.761)	
06	- Chi phí lãi vay		4.616.688.559	3.200.797.536
08	- Dự thu tiền lãi		(16.805.557)	(360.127.312)
10	3. Tăng các chi phí phi tiền tệ		3.303.655.379	-
11	- Lỗi đánh giá giá trị các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ FVTPL		3.303.655.379	-
18	4. Giảm các doanh thu phi tiền tệ		(171.351.376)	(1.964.025.067)
19	- Lãi đánh giá lại giá trị các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ FVTPL		(171.351.376)	(1.964.025.067)
30	5. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		(62.772.442.613)	(33.547.925.200)
31	- Tăng (giảm) tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ FVTPL		20.272.598.507	1.238.844.713
33	- Tăng (giảm) các khoản cho vay		10.867.458.013	3.614.716.232
35	- (-) Tăng, (+) giảm phải thu bán các tài sản tài chính		366.615.659	1.061.460.244
36	- (-) Tăng, (+) giảm phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi các tài sản tài chính		533.194.443	(421.261.975)
37	- (-) Tăng, (+) giảm các khoản phải thu các dịch vụ công ty chứng khoán cung cấp		(295.610.250)	(133.169.606)
39	- (-) Tăng, (+) giảm các khoản phải thu khác		10.586.487	412.925.123
40	- Tăng (giảm) các tài sản khác		(688.442.480)	272.660.000
41	- Tăng (giảm) chi phí phải trả (không bao gồm chi phí lãi vay)		(122.397.884)	86.850.496
42	- Tăng (giảm) chi phí trả trước		(1.102.086.318)	(1.088.941.817)
43	- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(3.324.793.397)	(1.571.834.977)
44	- Lãi vay đã trả		(4.747.018.346)	(3.120.880.870)
45	- Tăng, (giảm) phải trả cho người bán		1.581.716.965	(2.109.523.540)
46	- Tăng, (giảm) các khoản trích nộp phúc lợi nhân viên		(1.797.060)	(18.492.290)
47	- Tăng, (giảm) thuế và các khoản phải nộp Nhà nước (không bao gồm thuế TNDN)		(1.092.384.981)	(17.776.201)
48	- Tăng, (giảm) phải trả người lao động		(1.201.899.615)	(939.098.264)
50	- Tăng, (giảm) phải trả, phải nộp khác		(82.604.743.487)	(30.061.897.495)
51	- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		169.307.357	119.286.000
52	- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(1.392.746.226)	(871.790.973)
60	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		(47.454.987.471)	(21.451.195.306)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017

(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Từ 01/01/2017	Từ 01/01/2016
			đến 30/06/2017	đến 30/06/2016
			VND	VND
	II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
61	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư và các tài sản khác		(1.672.000.000)	(199.571.613)
63	3. Tiền chi đầu tư vốn vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết và đầu tư khác		(15.000.000.000)	-
70	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		(16.672.000.000)	(199.571.613)
	III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
73	3. Tiền vay gốc		2.526.888.586.130	3.918.380.000.339
73.2	3.2 Tiền vay khác		2.526.888.586.130	3.918.380.000.339
74	4. Tiền chi trả nợ gốc vay		(2.502.357.294.049)	(3.880.101.864.013)
74.3	4.3 Tiền chi trả gốc nợ vay khác		(2.502.357.294.049)	(3.880.101.864.013)
76	6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		(10.322.000.000)	(5.558.000.000)
80	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		14.209.292.081	32.720.136.326
90	IV. Tăng (giảm) tiền thuần trong kỳ		(49.917.695.390)	11.069.369.407
101	V. Tiền và các khoản tương đương tiền đầu kỳ		84.004.646.742	24.666.322.744
101.1	- Tiền		84.004.646.742	13.942.322.744
101.2	- Các khoản tương đương tiền		-	10.724.000.000
103	VI. Tiền và các khoản tương đương tiền cuối kỳ		34.086.951.352	35.735.692.151
103.1	- Tiền		23.796.951.352	20.011.692.151
103.2	- Các khoản tương đương tiền		10.290.000.000	15.724.000.000

PHÂN LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HOẠT ĐỘNG MÔI GIỚI, ỦY THÁC CỦA KHÁCH HÀNG

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Từ 01/01/2017	Từ 01/01/2016
			đến 30/06/2017	đến 30/06/2016
			VND	VND
	I. Lưu chuyển tiền hoạt động môi giới, ủy thác của khách hàng			
01	1. Tiền thu bán chứng khoán môi giới cho khách hàng		3.241.664.313.800	3.279.567.417.900
02	2. Tiền chi mua chứng khoán môi giới cho khách hàng		(3.090.088.494.300)	(3.017.994.305.900)
07	3. Nhận tiền gửi để thanh toán giao dịch chứng khoán của khách hàng		(88.445.452.367)	(246.406.489.906)
11	4. Chi trả phí lưu ký chứng khoán của khách hàng		(1.008.219.922)	(754.479.647)
12	5. Thu lỗi giao dịch chứng khoán		-	12.890.000
13	6. Chi lỗi giao dịch chứng khoán		-	(12.890.000)
14	7. Tiền thu của Tổ chức phát hành chứng khoán		31.199.038.544	81.212.945.583
15	8. Tiền chi trả Tổ chức phát hành chứng khoán		(31.211.702.900)	(81.212.874.983)
20	Tăng/giảm tiền thuần trong kỳ		62.109.482.855	14.412.213.047
30	II. Tiền và các khoản tương đương tiền đầu kỳ của khách hàng		161.886.706.019	156.715.217.373
31	Tiền gửi ngân hàng đầu kỳ:		161.886.706.019	156.715.217.373
32	- Tiền gửi của Nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức công ty chứng khoán quản lý		161.826.641.788	156.644.340.723
35	- Tiền gửi của Tổ chức phát hành		60.064.231	70.876.650
40	III. Tiền và các khoản tương đương tiền cuối kỳ của khách hàng		223.996.188.874	171.127.430.420
41	Tiền gửi ngân hàng cuối kỳ:		223.996.188.874	171.127.430.420
42	- Tiền gửi của Nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức công ty chứng khoán quản lý		223.989.522.724	171.056.483.170
45	- Tiền gửi của Tổ chức phát hành		6.666.150	70.947.250

Quách Thị Xuân Thu
Người lập

Phạm Thị Vân
Kế toán trưởng



Nguyễn Thanh Hải
Tổng Giám đốc
Hà Nội, ngày 11 tháng 07 năm 2017

BÁO CÁO TÌNH HÌNH BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017

CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Số dư đầu kỳ		Số tăng/giảm				Số dư cuối kỳ	
		01/01/2016	01/01/2017	Từ 01/01/2016 đến 30/06/2016		Từ 01/01/2017 đến 30/06/2017		30/06/2016	30/06/2017
				Tăng	Giảm	Tăng	Giảm		
		VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu		397.000.000.000	397.000.000.000	-	-	-	-	397.000.000.000	397.000.000.000
Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		397.000.000.000	397.000.000.000	-	-	-	-	397.000.000.000	397.000.000.000
4. Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ		2.986.678.942	3.331.847.240	345.168.298	-	1.151.708.817	-	3.331.847.240	4.483.556.057
5. Quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ		2.986.678.942	3.331.847.240	345.168.298	-	1.151.708.817	-	3.331.847.240	4.483.556.057
7. Lợi nhuận chưa phân phối		6.903.365.960	23.689.205.696	7.419.752.336	6.248.336.596	9.604.964.108	15.791.991.912	8.074.781.700	17.502.177.892
7.1 Lợi nhuận sau thuế đã thực hiện		9.960.764.423	27.650.269.081	5.455.727.269	6.248.336.596	9.604.964.108	12.625.417.634	9.168.155.096	24.629.815.555
7.2 Lợi nhuận chưa thực hiện		(3.057.398.463)	(3.961.063.385)	1.964.025.067	-	-	3.166.574.278	(1.093.373.396)	(7.127.637.663)
TỔNG CỘNG		409.876.723.844	427.352.900.176	8.110.088.932	6.248.336.596	11.908.381.742	15.791.991.912	411.738.476.180	423.469.290.006

[Handwritten signature]

[Handwritten signature]



Quách Thị Xuân Thu
Người lập

Phạm Thị Vân
Kế toán trưởng *[Handwritten signature]*

Nguyễn Thanh Hải
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 11 tháng 07 năm 2017

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017

1 . THÔNG TIN CHUNG

1.1 . Đặc điểm hoạt động của Công ty Chứng khoán

Công ty Cổ phần Chứng khoán An Bình được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0103013960 do Sở kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 26/9/2006 và hoạt động theo Giấy phép hoạt động kinh doanh chứng khoán số 16/UBCK-GPHĐKD do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 29 tháng 09 năm 2006, Giấy phép điều chỉnh số 178/UBCK-GP do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 10 tháng 12 năm 2008, Giấy phép điều chỉnh số 365/UBCK-GP do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 02 tháng 11 năm 2010.

Trụ sở của Công ty tại: 101 Phố Láng Hạ, Phường Láng Hạ, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội.

Điều lệ hoạt động của Công ty ban hành tháng 10 năm 2006 và sửa đổi, bổ sung lần gần nhất ngày 21 tháng 4 năm 2017

Vốn điều lệ của Công ty theo đăng ký là 397.000.000.000 đồng, vốn điều lệ thực góp đến ngày 30 tháng 6 năm 2017 là 397.000.000.000 đồng; tương đương 39.700.000 cổ phần, mệnh giá một cổ phần là 10.000 đồng.

Các đơn vị trực thuộc của Công ty như sau:

Chi nhánh Công ty tại Thành Phố Hồ Chí Minh;
Chi nhánh Công ty tại Thành phố Huế;
Chi nhánh Công ty tại Thành phố Hải Phòng;
Chi nhánh Công ty tại Thành phố Đà Nẵng;
Chi nhánh Công ty tại Thành phố Thái Bình;
Chi nhánh Công ty tại Thành phố Bắc Ninh;
Chi nhánh Công ty tại Thành phố Vũng Tàu.

1.2 . Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh của Công ty gồm: Môi giới chứng khoán; Tự doanh chứng khoán; Tư vấn tài chính; Tư vấn đầu tư chứng khoán; Bảo lãnh phát hành chứng khoán; Lưu ký chứng khoán.

2 . CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY

2.1 . Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Năm tài chính đầu tiên bắt đầu từ ngày 29/9/2006 Công ty được cấp giấy chứng nhận thành lập Công ty và kết thúc tại ngày 31/12/2006.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

2.2 . Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ kế toán đối với công ty chứng khoán ban hành theo Thông tư số 210/2014/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về việc hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty chứng khoán (thay thế cho Thông tư số 95/2008/TT-BTC ngày 24 tháng 10 năm 2008, Quyết định số 99/2000/QĐ-BTC ngày 13 tháng 06 năm 2000, Thông tư số 162/2010/TT-BTC ngày 20 tháng 10 năm 2010); Thông tư số 334/2016/TT-BTC ngày 27 tháng 12 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ tài chính, sửa đổi, bổ sung và thay thế phụ lục 02 và 04 của Thông tư 210/2014/TT-BTC.

Thông tư số 210/2014/TT-BTC ngày 30/12/2014 có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 01 năm 2016 và Thông tư số 334/2016/TT-BTC ngày 27/12/2016 có hiệu lực thi hành từ năm tài chính 2016, riêng các quy định về giá trị hợp lý có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2017. Công ty đã thực hiện trình bày lại một số chỉ tiêu trên Báo cáo tình hình tài chính tại ngày 01/01/2017, Báo cáo kết quả hoạt động và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

Hình thức kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức kế toán trên máy vi tính.

2.3 . Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi hoạt động của công ty chứng khoán, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời gian đáo hạn hoặc thu hồi không quá 03 tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

Tiền gửi về bán chứng khoán bảo lãnh phát hành là khoản tiền gửi thu được do bán chứng khoán bảo lãnh phát hành tại ngân hàng thương mại chỉ định do Công ty thực hiện chức năng - Tổ chức bảo lãnh phát hành chứng khoán (bảo lãnh chính hoặc phụ) (kể cả tiền thu được từ các Đại lý bán chứng khoán) và tiền gửi thanh toán gốc, tiền lãi và cổ tức của Tổ chức phát hành.

Tiền gửi về bù trừ thanh toán giao dịch chứng khoán là số tiền sẵn sàng tham gia bù trừ và thanh toán của Công ty và khách hàng tại ngày T+x theo yêu cầu của Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam (VSD), được mở tại Ngân hàng chỉ định để thanh toán mua, bán chứng khoán theo kết quả đã bù trừ thuần (net).

Tiền gửi của Nhà đầu tư về mua bán chứng khoán được trình bày tại các chỉ tiêu ngoài báo cáo tình hình tài chính (ngoại bảng).

2.4 . Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính

a) Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL), các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (HTM), các khoản cho vay, các tài sản tài chính sẵn sàng để bán (AFS) và các khoản phải thu. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó, ngoại trừ các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL) chỉ được xác định theo giá mua/chi phí phát hành.

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, các khoản phải trả người bán và phải trả khác, chi phí phải trả. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó.

b) Nguyên tắc phân loại

Tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL): tài sản tài chính được phân loại theo FVTPL khi tài sản tài chính đó được nắm giữ cho mục đích mua vào, bán ra trên thị trường tài chính thông qua hoạt động nghiên cứu và phân tích với kỳ vọng sinh lời. Các loại tài sản tài chính được phân loại nhóm khác khi bán cần phân loại lại vào FVTPL.

Các tài sản tài chính FVTPL là công cụ nợ khi đáo hạn phải được chuyển sang ghi nhận là các khoản phải thu và lập dự phòng như một khoản phải thu khó đòi (nếu có).

Các khoản cho vay: là các tài sản tài chính phi phát sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và không được niêm yết trên thị trường hoàn hảo.

Các dạng cam kết cho vay được thực hiện:

- Hợp đồng giao dịch ký quỹ;
- Hợp đồng ứng trước tiền bán chứng khoán.

Sau ghi nhận ban đầu, các khoản cho vay được xác định theo giá trị phân bổ sử dụng phương pháp lãi suất thực, ngoại trừ: các khoản cho vay các tài sản tài chính ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua lãi/lỗ; các công nợ tài chính phát sinh từ việc chuyển giao một tài sản tài chính không đủ điều kiện dừng ghi nhận hoặc khi phù hợp theo quy định về tiếp tục liên quan; các hợp đồng bảo lãnh tài chính.

c) Nguyên tắc đánh giá lại các tài sản tài chính

Việc đánh giá lại các tài sản tài chính FTVPL theo giá thị trường hoặc giá trị hợp lý được thực hiện theo phương pháp xác định giá trị phù hợp với quy định pháp luật. Trong trường hợp không có giá thị trường tại ngày giao dịch gần nhất, Công ty sử dụng giá trị hợp lý để đánh giá lại các tài sản tài chính. Giá trị hợp lý được xác định trên cơ sở tôn trọng nguyên tắc, phương pháp hoặc mô hình lý thuyết định giá tài sản tài chính đã được quy định tại Điều lệ hoặc Sổ tay định giá của Công ty hoặc sau khi đã được Ban Tổng Giám đốc chấp thuận bằng văn bản.

Giá trị hợp lý/giá trị thị trường của tài sản tài chính được xác định theo quy định tại Thông tư số 146/2014/TT-BTC như sau:

- Giá trị thị trường của chứng khoán niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội và Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh là giá đóng cửa tại ngày gần nhất có giao dịch tính đến ngày đánh giá lại.
- Đối với các chứng khoán của các công ty chưa niêm yết trên thị trường chứng khoán nhưng đã đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết (UPCom) thì giá trị thị trường được xác định là giá đóng cửa tại ngày gần nhất có giao dịch tính đến ngày đánh giá lại.
- Đối với chứng khoán niêm yết bị hủy hoặc bị đình chỉ giao dịch hoặc bị ngừng giao dịch kể từ ngày giao dịch thứ sáu trở đi, giá chứng khoán thực tế là giá trị sổ sách tại ngày lập bảng cân đối kế toán gần nhất.
- Đối với chứng khoán chưa niêm yết và chưa đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết (UPCom) thì giá chứng khoán thực tế trên thị trường làm cơ sở để đánh giá lại là giá trung bình của các mức giá giao dịch thực tế theo báo giá của ba (03) công ty chứng khoán có giao dịch tại thời điểm gần nhất với thời điểm đánh giá lại nhưng không quá một tháng tính đến ngày đánh giá lại.

Các chứng khoán không có giá tham khảo từ các nguồn trên sẽ được đánh giá khả năng và mức độ giảm giá dựa trên việc xem xét tình hình tài chính và giá trị sổ sách của tổ chức phát hành tại ngày 30 tháng 06 năm 2017.

Chênh lệch tăng hoặc giảm do đánh giá lại FVTPL vào Báo cáo kết quả hoạt động theo 02 chỉ tiêu: chỉ tiêu "Lỗ và chi phí giao dịch mua các tài sản tài chính, hoạt động tự doanh FVTPL" - Chi tiết "Chênh lệch giảm về đánh giá lại các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ" (nếu đánh giá giảm) và chỉ tiêu "Thu nhập" - Chi tiết "Chênh lệch tăng về đánh giá lại các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ" (nếu đánh giá tăng).

Các khoản cho vay được xem xét khả năng suy giảm giá trị tại ngày lập báo cáo tình hình tài chính. Dự phòng cho các khoản cho vay được trích lập dựa trên mức tổn thất ước tính, được tính bằng phần chênh lệch giữa giá trị thị trường của chứng khoán được dùng làm tài sản đảm bảo cho khoản cho vay và số dư của khoản cho vay đó. Tăng hoặc giảm số dư khoản dự phòng được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động trên khoản mục "Chi phí dự phòng tài sản tài chính, xử lý tổn thất các khoản phải thu khó đòi, lỗ suy giảm tài sản tài chính và chi phí đi vay của các khoản cho vay".

2.5 . Các khoản đầu tư tài chính dài hạn

Các khoản đầu tư vào các công ty con, công ty liên doanh liên kết được ghi nhận ban đầu trên sổ kế toán theo giá gốc. Sau ghi nhận ban đầu, giá trị của các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư.

Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư được lập vào thời điểm cuối kỳ đối với các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh liên kết: căn cứ vào Báo cáo tài chính/Báo cáo tài chính hợp nhất (nếu đơn vị nhận đầu tư là Công ty mẹ) của công ty con, công ty liên doanh, liên kết tại thời điểm trích lập dự phòng. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ, ngoại trừ trường hợp khoản lỗ đó đã nằm trong kế hoạch khi quyết định đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được trích lập theo quy định tại Thông tư số 146/2014/TT-BTC của Bộ Tài chính ban hành ngày 06/10/2014.

2.6 . Các khoản nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn, dài hạn

Các khoản nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn, dài hạn phản ánh khoản tiền nhận ký quỹ, ký cược bằng tiền của Công ty với các đối tượng trong hoạt động của Công ty phù hợp với các quy định của pháp luật có liên quan hiện hành. Các khoản tiền nhận ký quỹ, ký cược không thuộc tài sản của Công ty, Công ty phải có trách nhiệm quản lý tách biệt với tài sản bằng tiền của Công ty.

2.7 . Các khoản phải thu ngắn hạn, dài hạn

Phải thu bán các tài sản tài chính: phản ánh toàn bộ giá trị phải thu khi bán các tài sản tài chính thuộc danh mục tài sản tài chính của Công ty (không qua các Sở Giao dịch Chứng khoán), kể cả giá trị đáo hạn của các tài sản tài chính hoặc thanh lý các tài sản tài chính này.

Phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi các tài sản tài chính: phản ánh toàn bộ các khoản phải thu và dự thu về cổ tức, tiền lãi của các tài sản tài chính thuộc danh mục tài sản tài chính của Công ty.

Phải thu các dịch vụ Công ty cung cấp: phản ánh các khoản phải thu của Công ty với Sở Giao dịch chứng khoán, Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam (VSD), với Nhà đầu tư là khách hàng của Công ty, với Tổ chức phát hành chứng khoán hoặc bảo lãnh phát hành chứng khoán, các khoản phải thu từ các hoạt động kinh doanh giao dịch chứng khoán.

Dự phòng suy giảm giá trị các khoản phải thu: được trích lập cho các khoản nợ đã quá hạn thanh toán hoặc các khoản nợ chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể; mất tích, bỏ trốn, đang bị các cơ quan pháp luật truy tố, xét xử hoặc đang thi hành án hoặc đã chết. Chi phí dự phòng phát sinh được trình bày trên chỉ tiêu "Chi phí quản lý công ty chứng khoán" trên Báo cáo kết quả hoạt động.

Mức trích lập dự phòng các khoản nợ phải thu khó đòi được xác định theo Thông tư số 228/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 07/12/2009 như sau:

<u>Thời gian quá hạn</u>	<u>Mức trích dự phòng</u>
Từ trên sáu (06) tháng đến dưới một (01) năm	30%
Từ một (01) năm đến dưới hai (02) năm	50%
Từ hai (02) năm đến dưới ba (03) năm	70%
Từ ba (03) năm trở lên	100%

2.8 . Tài sản cố định và khấu hao tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại. Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng.

Khấu hao tài sản cố định được trích theo phương pháp đường thẳng với thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 50 năm
- Máy móc, thiết bị	03 - 08 năm
- Phương tiện vận tải	10 năm
- Thiết bị văn phòng	04 - 06 năm
- Phần mềm quản lý	03 - 08 năm
- Tài sản cố định vô hình là quyền sử dụng đất không xác định thời hạn, do đó Công ty không trích khấu hao.	

2.9 . Chi phí trả trước

Các chi phí trả trước chỉ liên quan đến chi phí sản xuất kinh doanh của một năm tài chính hoặc một chu kỳ kinh doanh được ghi nhận là chi phí trả trước ngắn hạn và được tính vào chi phí hoạt động kinh doanh trong năm tài chính.

Các chi phí đã phát sinh trong năm tài chính nhưng liên quan đến kết quả hoạt động kinh doanh của nhiều niên độ kế toán được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các niên độ kế toán sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ hạch toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

2.10 . Các khoản nợ phải trả ngắn hạn, dài hạn

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Các khoản vay: phản ánh tình hình phát hành trái phiếu và thanh toán trái phiếu; phản ánh các khoản tiền vay tạm thời và tình hình trả nợ tiền vay của Công ty với Ngân hàng, Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam, Quỹ Hỗ trợ thanh toán hoặc các đối tượng cho vay khác theo quy định về hoạt động vay áp dụng đối với công ty chứng khoán.

Các khoản phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán: phản ánh tình hình thanh toán về các khoản phí hoạt động kinh doanh, dịch vụ chứng khoán cho Sở Giao dịch Chứng khoán, Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam (VSD), phải trả các chi nhánh CTV của Công ty.

Các khoản phải trả tổ chức phát hành chứng khoán: phản ánh tình hình nhận và thanh toán khoản phải trả Tổ chức phát hành chứng khoán về tiền bán chứng khoán bảo lãnh phát hành do Công ty thực hiện ở công ty bảo lãnh phát hành chứng khoán chính hoặc phụ, kể cả trường hợp công ty bảo lãnh phát hành chứng khoán bán chứng khoán phát hành qua các đại lý.

2.11 . Chi phí phải trả

Các khoản chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng được trích trước vào chi phí hoạt động kinh doanh trong năm để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí hoạt động kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

2.12 . Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu:

Lợi nhuận đã thực hiện là số chênh lệch giữa tổng doanh thu, thu nhập với tổng các khoản chi phí tính vào Báo cáo thu nhập toàn diện của Công ty lũy kế phát sinh trong kỳ. Số lợi nhuận được sử dụng để phân phối cho các chủ sở hữu phải trừ đi số lỗ đã thực hiện lũy kế tính từ đầu kỳ này và số lỗ chưa thực hiện lũy kế tính đến thời điểm phân phối lãi cho chủ sở hữu. Việc phân phối lợi nhuận của Công ty cho chủ sở hữu phải đảm bảo rõ ràng, minh bạch và theo đúng quy định của pháp luật doanh nghiệp, chứng khoán và các pháp luật hiện hành khác có liên quan đối với công ty chứng khoán, điều lệ công ty chứng khoán, Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông. Lợi nhuận đã thực hiện được phân phối thu nhập cho thành viên góp vốn hoặc cổ đông sau khi đã trừ đi các nghĩa vụ thuế phải nộp tính trên khoản thu nhập được hưởng.

Công ty sử dụng lợi nhuận sau thuế đã thực hiện hàng năm để trích lập các quỹ theo quy định tại Thông tư số 146/2014/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 06/10/2014 như sau:

<u>Quỹ</u>	<u>Mức trích từ lợi nhuận sau thuế</u>	<u>Mức trích tối đa</u>
Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ	5%	10% vốn điều lệ
Quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ	5%	10% vốn điều lệ

2.13 . Doanh thu, thu nhập*Doanh thu cung cấp dịch vụ*

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều năm thì doanh thu được ghi nhận trong năm theo kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Báo cáo tình hình tài chính của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Báo cáo tình hình tài chính;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

Thu nhập từ kinh doanh chứng khoán

Thu nhập bán các tài sản tài chính tự doanh FVTPL được xác định là số chênh lệch giữa giá bán và giá vốn theo số lượng các tài sản tài chính FVTPL đã bán ra. Thu nhập bán các tài sản tài chính là thu nhập đã thực hiện.

Thu nhập do đánh giá tăng các tài sản tài chính thuộc danh mục tài sản tài chính FVTPL theo giá trị hợp lý. Thu nhập đánh giá lại các tài sản tài chính thuộc danh mục tài sản tài chính FVTPL là thu nhập chưa thực hiện.

Thu nhập phát sinh từ các tài sản tài chính tự doanh FVTPL, HTM, các khoản cho vay bao gồm: lãi cho vay phát sinh từ các khoản cho vay phù hợp với quy định của Luật chứng khoán; cổ tức, lợi nhuận được chia phát sinh từ cổ phiếu, lãi trái phiếu; lãi phát sinh từ các khoản tiền gửi cố định.

Cổ tức, lợi nhuận được chia phát sinh từ các tài sản tài chính thuộc danh mục đầu tư của Công ty: FVTPL, HTM, AFS được ghi nhận khi công ty được quyền nhận cổ tức từ quyền sở hữu cổ phiếu đã được xác lập.

2.14 . Chi phí hoạt động và chi phí quản lý công ty

Chi phí được ghi nhận khi có khả năng làm giảm các lợi ích kinh tế tại thời điểm phát sinh hoặc có thể xác định được một cách chắc chắn phát sinh, không phân biệt đã được thanh toán hay chưa.

2.15 . Các khoản thuế

a) Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và Thuế thu nhập hoãn lại phải trả

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được xác định dựa trên tổng chênh lệch tạm thời được khấu trừ và giá trị được khấu trừ chuyển sang kỳ sau của các khoản lỗ tính thuế và ưu đãi thuế chưa sử dụng. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định dựa trên các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tài sản thuế TNDN hoãn lại và Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất thuế TNDN hiện hành (hoặc thuế suất dự tính thay đổi trong tương lai nếu việc hoàn nhập tài sản thuế thu nhập hoãn lại hoặc thuế thu nhập hoãn lại phải trả nằm trong thời gian thuế suất mới có hiệu lực), dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi lập Báo cáo tình hình tài chính.

b) Chi phí thuế TNDN hiện hành và Chi phí thuế TNDN hoãn lại

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế trong kỳ và thuế suất thuế TNDN trong kỳ kế toán hiện hành.

Chi phí thuế TNDN hoãn lại được xác định trên cơ sở số chênh lệch tạm thời được khấu trừ, số chênh lệch tạm thời chịu thuế và thuế suất thuế TNDN.

Không bù trừ chi phí thuế TNDN hiện hành với chi phí thuế TNDN hoãn lại.

2.16 . Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu bên đó có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên liên quan của Công ty bao gồm:

- Các doanh nghiệp trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết;
- Các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;
- Các doanh nghiệp do các cá nhân nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc có ảnh hưởng đáng kể tới Công ty.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan để phục vụ cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính, Công ty chú ý tới bản chất của mối quan hệ hơn là hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN AN BÌNH101 Phố Láng Hạ, Phường Láng Hạ,
Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính**

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017

3 . GIÁ TRỊ KHỐI LƯỢNG GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN THỰC HIỆN TRONG KỲ

	Khối lượng giao dịch chứng khoán thực hiện trong kỳ	Giá trị khối lượng giao dịch chứng khoán thực hiện trong kỳ
		VND
Của Công ty Chứng khoán	3.140.213	75.380.443.797
- Cổ phiếu	3.140.213	75.380.443.797
Của nhà đầu tư	641.388.881	6.425.166.599.300
- Cổ phiếu	641.388.881	6.425.166.599.300
	644.529.094	6.500.547.043.097

4 . TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	30/06/2017	01/01/2017
	VND	VND
Tiền gửi ngân hàng cho hoạt động Công ty	23.796.951.352	84.004.646.742
Các khoản tương đương tiền	10.290.000.000	-
	34.086.951.352	84.004.646.742

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2017, các khoản tương đương tiền là tiền gửi có kỳ hạn 03 tháng, được gửi tại các ngân hàng thương mại với lãi suất từ 5,5%/năm.

5 . CÁC LOẠI TÀI SẢN TÀI CHÍNH**a) Tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL)**

	30/06/2017		01/01/2017	
	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND
Cổ phiếu niêm yết	34.672.598.194	28.313.059.070	39.563.037.802	35.610.749.496
Cổ phiếu chưa niêm yết	59.842.182.072	59.108.353.808	75.224.340.971	75.215.565.892
	94.514.780.266	87.421.412.878	114.787.378.773	110.826.315.388

b) Các khoản cho vay

	30/06/2017	01/01/2017
	VND	VND
Hoạt động margin	268.429.235.938	296.875.004.546
Hoạt động ứng trước tiền bán	37.430.151.409	19.851.840.814
	305.859.387.347	316.726.845.360

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN AN BÌNH

101 Phố Láng Hạ, Phường Láng Hạ,
Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017

5 . CÁC LOẠI TÀI SẢN TÀI CHÍNH

c) . **Bảng tình hình biến động giá trị thị trường (hoặc giá trị 4 loại tài sản tài chính) (Theo phương pháp hạch toán tài sản tài chính đánh giá lại)**

	Giá mua		Giá thị trường		Chênh lệch đánh giá tăng		Chênh lệch đánh giá giảm		Giá trị đánh giá lại	
	30/06/2017	01/01/2017	30/06/2017	01/01/2017	30/06/2017	01/01/2017	30/06/2017	01/01/2017	30/06/2017	01/01/2017
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
FVTPL	94.514.780.266	114.787.378.773	87.421.412.878	110.826.315.388	171.351.376	-	(7.264.718.764)	(3.961.063.385)	87.421.412.878	110.826.315.388
Cổ phiếu niêm yết	34.672.598.194	39.563.037.802	28.313.059.070	35.610.749.496	171.309.376	-	(6.530.848.500)	(3.952.288.306)	28.313.059.070	35.610.749.496
- SHN	27.467.958.457	27.467.958.457	21.210.565.600	24.360.649.600	-	-	(6.257.392.857)	(3.107.308.857)	21.210.565.600	24.360.649.600
- BVH	4.806.594.631	1.780.671.695	4.617.307.500	1.747.222.200	-	-	(189.287.131)	(33.449.495)	4.617.307.500	1.747.222.200
- Cổ phiếu lẻ khác	2.398.045.106	10.314.407.650	2.485.185.970	9.502.877.696	171.309.376	-	(84.168.512)	(811.529.954)	2.485.185.970	9.502.877.696
Cổ phiếu chưa niêm yết khác	59.842.182.072	75.224.340.971	59.108.353.808	75.215.565.892	42.000	-	(733.870.264)	(8.775.079)	59.108.353.808	75.215.565.892
- PVO	1.682.327.618	1.682.327.618	962.500.000	1.682.327.618	-	-	(719.827.618)	-	962.500.000	1.682.327.618
- Công ty Cổ phần Giấy An Hòa	23.600.000.000	38.600.000.000	23.600.000.000	38.600.000.000	-	-	-	-	23.600.000.000	38.600.000.000
- Ngân hàng TMCP An Bình										
- Công ty Cổ phần Tập đoàn Đầu tư An Bình	25.114.006.552	25.114.006.552	25.114.006.552	25.114.006.552	-	-	-	-	25.114.006.552	25.114.006.552
- Công ty Cổ phần Tập đoàn Đầu tư An Bình	4.015.400.000	4.400.000.000	4.015.400.000	4.400.000.000	-	-	-	-	4.015.400.000	4.400.000.000
- Công ty Cổ phần Bất Động Sản Exim	3.230.000.000	3.230.000.000	3.230.000.000	3.230.000.000	-	-	-	-	3.230.000.000	3.230.000.000
- Ngân hàng TMCP Đại Chúng Việt Nam	957.605.000	957.605.000	957.605.000	957.605.000	-	-	-	-	957.605.000	957.605.000
- Khác	1.242.842.902	1.240.401.801	1.228.842.256	1.231.626.722	42.000	-	(14.042.646)	(8.775.079)	1.228.842.256	1.231.626.722
	94.514.780.266	114.787.378.773	87.421.412.878	110.826.315.388	171.351.376	-	(7.264.718.764)	(3.961.063.385)	87.421.412.878	110.826.315.388

Ghi chú:

(*) Đối với cổ phiếu niêm yết và Upcom, Chênh lệch đánh giá tăng và chênh lệch đánh giá giảm của các cổ phiếu tại ngày 01/01/2017 chỉ được tính toán cho mục đích trình bày theo quy định tại Thông tư số 334/2016/TT-BTC và Thông tư số 210/2014/TT-BTC.

(**) Đối với các cổ phiếu OTC, Công ty cũng chưa thực hiện xác định giá trị hợp lý của các chứng khoán này do Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Việt Nam áp dụng đối với công ty chứng khoán chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý. Theo đó giá trị hợp lý được ước tính bằng giá gốc của khoản đầu tư.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN AN BÌNH101 Phố Láng Hạ, Phường Láng Hạ,
Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính**

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017

6 . DỰ PHÒNG SUY GIẢM GIÁ TRỊ TÀI SẢN TÀI CHÍNH VÀ TÀI SẢN NHẬN THỂ CHẤP

	Từ 01/01/2017 đến 30/06/2017	Từ 01/01/2016 đến 30/06/2016
	VND	VND
Dự phòng suy giảm giá trị các khoản cho vay	13.970.236.377	16.092.022.138
Tại ngày 30/06	13.970.236.377	16.092.022.138

7 . CÁC KHOẢN PHẢI THU**a) Các khoản phải thu ngắn hạn**

	30/06/2017	01/01/2017
	VND	VND
Các khoản phải thu bán các khoản đầu tư	21.848.982.544	22.215.598.203
Các khoản phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi các khoản đầu tư	16.805.557	550.000.000
Phải thu các dịch vụ Công ty chứng khoán cung cấp	2.070.349.319	1.895.388.409
Phải thu khác	5.871.762.742	5.882.349.229
	29.807.900.162	30.543.335.841

8 . DỰ PHÒNG PHẢI THU KHÓ ĐÒI

	Từ 01/01/2017 đến 30/06/2017	Từ 01/01/2016 đến 30/06/2016
	VND	VND
Tại ngày 01/01	3.517.850.220	3.517.850.220
Tại ngày 30/06	3.517.850.220	3.517.850.220

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN AN BÌNH101 Phố Láng Hạ, Phường Láng Hạ,
Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính**

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017

8 . DỰ PHÒNG PHẢI THU KHÓ ĐÒI

Giá trị phải thu khó đòi	Kỳ này				Kỳ trước VND
	Số đầu kỳ	Số trích lập VND	Số hoàn nhập VND	Số cuối kỳ VND	
Dự phòng khó đòi nợ phải thu khác	3.517.850.220	(3.517.850.220)	-	(3.517.850.220)	(3.517.850.220)
- Nguyễn Hoài Anh	1.390.282.667	(1.390.282.667)	-	(1.390.282.667)	(1.390.282.667)
- Mai Mỹ Trang	1.186.912.000	(1.186.912.000)	-	(1.186.912.000)	(1.186.912.000)
- Khách hàng khác	940.655.553	(940.655.553)	-	(940.655.553)	(940.655.553)
	3.517.850.220	(3.517.850.220)	-	(3.517.850.220)	(3.517.850.220)

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN AN BÌNH101 Phố Láng Hạ, Phường Láng Hạ,
Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính**

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017

9 . CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ DÀI HẠN

	30/06/2017	01/01/2017
	VND	VND
- Công ty Tài chính Cổ phần Điện lực	20.000.000.000	5.000.000.000
	20.000.000.000	5.000.000.000

Tại ngày 30/06/2017, Công ty Cổ phần Chứng khoán An Bình đang nắm giữ 2.000.000 cổ phần của Công ty Tài chính cổ phần Điện lực, mệnh giá 10.000 đồng/cổ phần.

10 . TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Cộng
	VND	VND	VND	VND
Nguyên giá				
Tại ngày 01/01/2017	9.700.202.321	14.457.807.955	2.640.713.000	26.798.723.276
Mua trong kỳ	-	517.000.000	-	517.000.000
Phân loại lại	-	-	-	-
Tại ngày 30/06/2017	9.700.202.321	14.974.807.955	2.640.713.000	27.315.723.276
Giá trị hao mòn lũy kế				
Tại ngày 01/01/2017	959.129.830	11.906.571.810	1.619.684.330	14.485.385.970
Khấu hao trong kỳ	113.068.338	359.669.704	132.035.646	604.773.688
Tại ngày 30/06/2017	1.072.198.168	12.266.241.514	1.751.719.976	15.090.159.658
Giá trị còn lại				
Tại ngày 01/01/2017	8.741.072.491	2.551.236.145	1.021.028.670	12.313.337.306
Tại ngày 30/06/2017	8.628.004.153	2.708.566.441	888.993.024	12.225.563.618

Trong đó:

- Nguyên giá tài sản cố định cuối kỳ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 9.412.651.009 đồng.

11 . TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Quyền sử dụng đất	Phần mềm giao dịch, kế toán	Cộng
	VND	VND	VND
Nguyên giá			
Tại ngày 01/01/2017	125.000.000.000	26.515.305.185	151.515.305.185
Mua trong kỳ	-	5.981.313.613	5.981.313.613
Tại ngày 30/06/2017	125.000.000.000	32.496.618.798	157.496.618.798
Giá trị hao mòn lũy kế			
Tại ngày 01/01/2017	-	24.525.667.547	24.525.667.547
Khấu hao trong kỳ	-	1.814.810.762	1.814.810.762
Tại ngày 30/06/2017	-	26.340.478.309	26.340.478.309
Giá trị còn lại			
Tại ngày 01/01/2017	125.000.000.000	1.989.637.638	126.989.637.638
Tại ngày 30/06/2017	125.000.000.000	6.156.140.489	131.156.140.489

Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các tài sản cố định này do Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam áp dụng đối với công ty chứng khoán chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN AN BÌNH101 Phố Láng Hạ, Phường Láng Hạ,
Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính**

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017

12 . TIỀN NỢ QUỸ HỖ TRỢ THANH TOÁN

	<u>30/06/2017</u>	<u>01/01/2017</u>
	VND	VND
Tiền nộp ban đầu	120.000.000	120.000.000
Tiền nộp bổ sung	11.802.904.953	10.460.379.535
Tiền lãi phân bổ trong kỳ	635.461.426	585.240.618
Số dư cuối kỳ	<u>12.558.366.379</u>	<u>11.165.620.153</u>

13 . VAY VÀ NỢ NGẮN HẠN

	<u>01/01/2017</u>	<u>Số vay trong kỳ</u>	<u>Số trả trong kỳ</u>	<u>30/06/2017</u>
	VND	VND	VND	VND
Vay ngắn hạn	166.606.080.573	2.526.888.586.130	2.502.357.294.049	191.137.372.654
Ngân hàng TMCP An Bình	93.737.360.863	2.393.154.660.459	2.371.395.186.832	115.496.834.490
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam	-	88.422.856.502	78.522.856.502	9.900.000.000
Đối tượng khác (Xem thuyết minh)	72.868.719.710	45.311.069.169	52.439.250.715	65.740.538.164
	<u>166.606.080.573</u>	<u>2.526.888.586.130</u>	<u>2.502.357.294.049</u>	<u>191.137.372.654</u>

Thông tin chi tiết liên quan đến các khoản vay ngắn hạn

- (1) Vay ngân hàng TMCP An Bình và Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam bao gồm nhiều hợp đồng vay: Mục đích hỗ trợ tín dụng các nhà đầu tư. Thời hạn vay từ 01 đến 02 ngày. Hình thức đảm bảo quy định theo hợp đồng.
- (2) Vay đối tượng khác là vay các cá nhân mục đích phục vụ hoạt động kinh doanh thời hạn là 6 tháng. Hình thức đảm bảo tín chấp.

14 . PHẢI TRẢ HOẠT ĐỘNG GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN

	<u>30/06/2017</u>	<u>01/01/2017</u>
	VND	VND
Phải trả Sở Giao dịch chứng khoán	387.929.267	354.230.278
Phải trả Trung tâm lưu ký chứng khoán	181.240.179	184.008.136
Phải trả tổ chức, cá nhân khác	922.747.363	1.213.773.646
	<u>1.491.916.809</u>	<u>1.752.012.060</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN AN BÌNH101 Phố Láng Hạ, Phường Láng Hạ,
Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính**

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017

15 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	30/06/2017	01/01/2017
	VND	VND
Thuế Giá trị gia tăng	-	8.886.948
Thuế Thu nhập doanh nghiệp	139.877.666	2.649.861.720
Thuế Thu nhập cá nhân	742.062.423	1.798.114.386
	881.940.089	4.456.863.054

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

16 . CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỘP NGẮN HẠN KHÁC**a) Ngắn hạn**

	30/06/2017	01/01/2017
	VND	VND
Phải trả khách hàng bán cổ phiếu thoái vốn	-	82.350.146.182
Các khoản phải trả, phải nộp khác	430.867.495	93.605.443
	430.867.495	82.443.751.625

17 . VỐN ĐẦU TƯ CỦA CHỦ SỞ HỮU**a) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu**

	Tỷ lệ	30/06/2017	Tỷ lệ	01/01/2017
	(%)	VND	(%)	VND
Công ty CP Xuất Nhập khẩu Tổng hợp Hà Nội	43,50%	172.705.620.000	43,50%	172.705.620.000
Công ty CP Tư vấn Đầu tư Thái Bình	9,93%	39.438.530.000	9,93%	39.438.530.000
Ngân hàng TMCP An Bình	5,20%	20.650.000.000	5,20%	20.650.000.000
Ông Chu Văn Mân	9,50%	37.715.000.000	9,50%	37.715.000.000
Ông Nguyễn Văn Anh	6,76%	26.840.950.000	0,00%	-
Ông Đào Mạnh Kháng	0,00%	-	6,34%	25.150.000.000
Ông Nguyễn Văn Trung	9,50%	37.715.000.000	9,50%	37.715.000.000
Vốn góp của cổ đông khác	15,60%	61.934.900.000	16,03%	63.625.850.000
	100%	397.000.000.000	100%	397.000.000.000

b) Lợi nhuận chưa phân phối

	30/06/2017	01/01/2017
	VND	VND
Lợi nhuận đã thực hiện chưa phân phối	24.629.815.555	27.650.269.081
Lợi nhuận chưa thực hiện	(7.127.637.663)	(3.961.063.385)
	17.502.177.892	23.689.205.696

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN AN BÌNH

101 Phố Láng Hạ, Phường Láng Hạ,
Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017

c) Tình hình phân phối thu nhập cho cổ đông hoặc các thành viên góp vốn

	Từ 01/01/2017 đến 30/06/2017	Từ 01/01/2016 đến 30/06/2016
	VND	VND
Lợi nhuận đã thực hiện chưa phân phối năm trước	27.650.269.081	6.903.365.960
Lỗ chưa thực hiện tính đến cuối kỳ kế toán	(7.127.637.663)	(1.093.373.396)
Lỗ/lãi đã thực hiện kỳ này tính từ đầu kỳ	9.604.964.108	7.419.752.336
Cơ sở lợi nhuận phân phối cho cổ đông hoặc các thành viên góp vốn tính đến cuối kỳ kế toán	30.127.595.526	13.229.744.900
Số trích các quỹ từ lợi nhuận	2.303.417.634	690.336.596
- Quỹ dự trữ bổ sung điều lệ	1.151.708.817	345.168.298
- Quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ	1.151.708.817	345.168.298
Số lãi phân phối cho cổ đông hoặc các thành viên góp vốn kỳ này tại ngày cuối kỳ	10.322.000.000	5.558.000.000
Thuế phải nộp tính trên thu nhập phân phối cho nhà đầu tư sở hữu cổ phiếu	195.657.605	99.745.095
Tổng thu nhập phân phối cho cổ đông hoặc các thành viên góp vốn	10.126.342.395	5.458.254.905

Theo Nghị quyết của Đại Hội đồng cổ đông số 10/NQ-ĐHCĐ2017 ngày 21/04/2017 và Quyết định số 12/QĐ-HĐQT2017 ngày 21/4/2017, Công ty công bố việc phân phối lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm 2016 như sau:

	Tỷ lệ (%)	Số tiền VND
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp năm 2016		23.034.176.332
Trích Quỹ dự trữ điều lệ	5,00%	1.151.708.817
Trích Quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ	5,00%	1.151.708.817
Chi trả cổ tức (bằng 2,6% vốn điều lệ)		10.322.000.000
Lợi nhuận để lại năm 2015 chuyển sang		655.029.364
Lợi nhuận chưa phân phối		11.063.788.062

d) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Từ 01/01/2017 đến 30/06/2017	Từ 01/01/2016 đến 30/06/2016
	VND	VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	397.000.000.000	397.000.000.000
- Vốn góp đầu kỳ	397.000.000.000	397.000.000.000
- Vốn góp cuối kỳ	397.000.000.000	397.000.000.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	10.322.000.000	5.558.000.000
- Cổ tức, lợi nhuận chia trên lợi nhuận kỳ trước	10.322.000.000	5.558.000.000

f) Cổ phiếu

	30/06/2017	01/01/2017
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	39.700.000	39.700.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	39.700.000	39.700.000
- Cổ phiếu phổ thông	39.700.000	39.700.000
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	39.700.000	39.700.000
- Cổ phiếu phổ thông	39.700.000	39.700.000
Mệnh giá cổ phiếu đã lưu hành (VND)	10.000	10.000

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN AN BÌNH101 Phố Láng Hạ, Phường Láng Hạ,
Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính**

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017

18 . TÀI SẢN TÀI CHÍNH NIÊM YẾT/ĐĂNG KÝ GIAO DỊCH CỦA CÔNG TY CHỨNG KHOÁN

	<u>30/06/2017</u>	<u>01/01/2017</u>
	VND	VND
Tài sản tài chính giao dịch tự do chuyển nhượng	34.173.780.000	33.274.480.000
	<u>34.173.780.000</u>	<u>33.274.480.000</u>

19 . TÀI SẢN TÀI CHÍNH ĐÃ LƯU KÝ TẠI VSD VÀ CHƯA GIAO DỊCH CỦA CÔNG TY CHỨNG KHOÁN

	<u>30/06/2017</u>	<u>01/01/2017</u>
	VND	VND
Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSD và chưa giao dịch, tự do chuyển nhượng	16.660.000	180.000
	<u>16.660.000</u>	<u>180.000</u>

20 . TÀI SẢN TÀI CHÍNH CHƯA LƯU KÝ TẠI VSD CỦA CÔNG TY CHỨNG KHOÁN

	<u>30/06/2017</u>	<u>01/01/2017</u>
	VND	VND
Tài sản tài chính chưa lưu ký tại VSD của Công ty	84.782.000.000	83.525.750.000
	<u>84.782.000.000</u>	<u>83.525.750.000</u>

21 . TÀI SẢN TÀI CHÍNH NIÊM YẾT/ĐĂNG KÝ GIAO DỊCH CỦA NHÀ ĐẦU TƯ

	<u>30/06/2017</u>	<u>01/01/2017</u>
	VND	VND
Tài sản tài chính giao dịch tự do chuyển nhượng	3.009.470.320.000	3.266.481.020.000
Tài sản tài chính giao dịch hạn chế chuyển nhượng	39.512.330.000	36.992.030.000
Tài sản tài chính giao dịch cầm cố	619.791.380.000	468.601.380.000
Tài sản tài chính chờ thanh toán	48.742.270.000	33.476.520.000
	<u>3.717.516.300.000</u>	<u>3.805.550.950.000</u>

22 . TÀI SẢN TÀI CHÍNH ĐÃ LƯU KÝ TẠI VSD VÀ CHƯA GIAO DỊCH CỦA NHÀ ĐẦU TƯ

	<u>30/06/2017</u>	<u>01/01/2017</u>
	VND	VND
Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSD và chưa giao dịch, tự do chuyển nhượng	3.675.890.000	15.374.670.000
Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSD và chưa giao dịch, hạn chế chuyển nhượng	126.480.000	356.700.000
	<u>3.802.370.000</u>	<u>15.731.370.000</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN AN BÌNH101 Phố Láng Hạ, Phường Láng Hạ,
Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính**

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017

23 . TIỀN GỬI CỦA NHÀ ĐẦU TƯ

	30/06/2017	01/01/2017
	VND	VND
Tiền gửi của Nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	223.989.522.724	161.826.641.788
1. Nhà đầu tư trong nước	223.978.553.738	161.813.175.502
2. Nhà đầu tư nước ngoài	10.968.986	13.466.286
Tiền gửi của tổ chức phát hành	6.666.150	60.064.231
2. Tiền gửi thanh toán cổ tức của tổ chức phát hành	6.666.150	60.064.231
	<u>223.996.188.874</u>	<u>161.886.706.019</u>

24 . PHẢI TRẢ NHÀ ĐẦU TƯ

	30/06/2017	01/01/2017
	VND	VND
1. Phải trả Nhà đầu tư - Tiền gửi của Nhà đầu tư về tiền gửi giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	223.989.522.724	161.826.641.788
1.1 Nhà đầu tư trong nước	223.978.553.738	161.813.175.502
1.2 Nhà đầu tư nước ngoài	10.968.986	13.466.286
	<u>223.989.522.724</u>	<u>161.826.641.788</u>

25 . PHẢI TRẢ CỔ TỨC, GÓC VÀ LÃI TRÁI PHIẾU

	30/06/2017	01/01/2017
	VND	VND
Phải trả hộ cổ tức, góc và lãi trái phiếu cho Nhà đầu tư	6.666.150	60.064.231
	<u>6.666.150</u>	<u>60.064.231</u>

26 . PHẢI TRẢ VAY CÔNG TY CHỨNG KHOÁN CỦA NHÀ ĐẦU TƯ

	30/06/2017	01/01/2017
	VND	VND
1.1 Phải trả gốc margin	268.429.235.938	296.875.004.546
<i>Nhà đầu tư trong nước</i>	<i>268.429.235.938</i>	<i>296.875.004.546</i>
2. Phải trả nghiệp vụ ứng trước tiền bán chứng khoán	37.430.151.409	19.851.840.814
2.1 Phải trả gốc nghiệp vụ ứng trước tiền bán chứng khoán	37.430.151.409	19.851.840.814
<i>Nhà đầu tư trong nước</i>	<i>37.430.151.409</i>	<i>19.851.840.814</i>
	<u>305.859.387.347</u>	<u>316.726.845.360</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN AN BÌNH101 Phố Láng Hạ, Phường Láng Hạ,
Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính**

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017

27 . THU NHẬP**a) Lãi, lỗ bán các tài sản tài chính**

	<u>Tổng giá trị bán</u>	<u>Tổng giá vốn</u>	<u>Lãi, lỗ bán chứng khoán kỳ này</u>		<u>Lãi, lỗ bán chứng khoán kỳ trước</u>	
			<u>Lãi</u>	<u>Lỗ</u>	<u>Lãi</u>	<u>Lỗ</u>
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Cổ phiếu niêm yết	25.679.401.000	25.137.420.107	1.395.098.209	853.117.316	1.136.680.557	4.076.108.168
Cổ phiếu chưa niêm yết	15.384.600.000	15.384.600.000	-	-	-	37.714.600
	<u>41.064.001.000</u>	<u>40.522.020.107</u>	<u>1.395.098.209</u>	<u>853.117.316</u>	<u>1.136.680.557</u>	<u>4.113.822.768</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN AN BÌNH

101 Phố Láng Hạ, Phường Láng Hạ,
Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017

b) . Chênh lệch đánh giá lại các tài sản tài chính

	Giá trị mua theo sổ kế toán	Giá trị thị trường hoặc giá trị hợp lý	Số dư chênh lệch đánh giá lại cuối kỳ	Số dư chênh lệch đánh giá lại đầu kỳ	Chênh lệch điều chỉnh số kế toán kỳ này
		VND	VND	VND	VND
FVTPL	94.514.780.266	87.421.412.878	(7.093.367.388)	(3.961.063.385)	(3.132.304.003)
Cổ phiếu niêm yết	34.672.598.194	28.313.059.070	(6.359.539.124)	(3.952.288.306)	(2.407.250.818)
- SHN	27.467.958.457	21.210.565.600	(6.257.392.857)	(3.107.308.857)	(3.150.084.000)
- BVH	4.806.594.631	4.617.307.500	(189.287.131)	(33.449.495)	(155.837.636)
- Cổ phiếu lẻ khác	2.398.045.106	2.485.185.970	87.140.864	(811.529.954)	898.670.818
Cổ phiếu chưa niêm yết	59.842.182.072	59.108.353.808	(733.828.264)	(8.775.079)	(725.053.185)
- PVO	1.682.327.618	962.500.000	(719.827.618)	-	(719.827.618)
- Công ty Cổ phần Giấy An Hòa	23.600.000.000	23.600.000.000	-	-	-
- Ngân hàng TMCP An Bình	25.114.006.552	25.114.006.552	-	-	-
- Công ty Cổ phần Tập đoàn Đầu tư An Bình	4.015.400.000	4.015.400.000	-	-	-
- Công ty Cổ phần Bất Động Sản Exim	3.230.000.000	3.230.000.000	-	-	-
- Ngân hàng TMCP Đại Chúng Việt Nam	957.605.000	957.605.000	-	-	-
- Khác	1.242.842.902	1.228.842.256	(14.000.646)	(8.775.079)	(5.225.567)
	94.514.780.266	87.421.412.878	(7.093.367.388)	(3.961.063.385)	(3.132.304.003)

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN AN BÌNH101 Phố Láng Hạ, Phường Láng Hạ,
Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính**

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017

c) Cổ tức và tiền lãi sát sinh từ các tài sản tài chính FVTPL, các khoản cho vay	Từ 01/01/2017	Từ 01/01/2016
	đến 30/06/2017	đến 30/06/2016
	VND	VND
Từ tài sản tài chính FVTPL	1.256.659.686	1.318.771.390
Từ các khoản cho vay	18.973.771.942	17.518.635.954
	20.230.431.628	18.837.407.344
d) Doanh thu ngoài thu nhập các tài sản tài chính	Từ 01/01/2017	Từ 01/01/2016
	đến 30/06/2017	đến 30/06/2016
	VND	VND
Thu nhập hoạt động khác	1.937.619.380	2.015.993.460
<i>Trong đó:</i>		
- Doanh thu cho thuê tài sản	348.272.726	234.545.455
- Doanh thu khác	1.589.346.654	1.781.448.005
Các khoản giảm trừ doanh thu	-	-
Thu nhập thuần hoạt động khác	1.937.619.380	2.015.993.460
28 . CHI PHÍ NGOÀI CHI PHÍ CÁC TÀI SẢN TÀI CHÍNH	Từ 01/01/2017	Từ 01/01/2016
	đến 30/06/2017	đến 30/06/2016
	VND	VND
Chi phí hoạt động cung cấp dịch vụ khác	15.550.000	12.677.000
- Chi phí cho thuê tài sản	15.000.000	12.600.000
- Chi phí khác	550.000	77.000
	15.550.000	12.677.000
29 . CHI PHÍ QUẢN LÝ CÔNG TY CHỨNG KHOÁN	Từ 01/01/2017	Từ 01/01/2016
	đến 30/06/2017	đến 30/06/2016
	VND	VND
Chi phí lương và các khoản theo lương	8.223.542.036	8.078.911.928
Chi phí công cụ, dụng cụ, vật tư, văn phòng phẩm	343.767.025	560.884.607
Chi phí khấu hao TSCĐ, BĐSĐT	2.419.584.450	2.192.606.142
Chi phí thuế, phí và lệ phí	12.000.000	11.000.000
Chi phí khác	5.870.433.361	5.242.479.877
	16.869.326.872	16.085.882.554

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN AN BÌNH101 Phố Láng Hạ, Phường Láng Hạ,
Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính**

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017

30 . THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Từ 01/01/2017 đến 30/06/2017	Từ 01/01/2016 đến 30/06/2016
	VND	VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	10.419.773.451	9.027.478.595
Các khoản điều chỉnh tăng	249.550.000	243.100.000
- Chi phí không hợp lệ	249.550.000	243.100.000
Các khoản điều chỉnh giảm	(6.682.100.826)	(1.318.771.390)
- Cổ tức, lợi nhuận được chia	(1.256.659.686)	(1.318.771.390)
- Điều chỉnh giảm khác	(5.425.441.140)	-
Tổng thu nhập tính thuế	3.987.222.625	7.951.807.205
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp và thuế suất hiện hành	20% 797.444.525	20% 1.590.361.441
Điều chỉnh chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của các kỳ trước vào chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp kỳ này	17.364.818	17.364.818
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	814.809.343	1.607.726.259
Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại		
	30/06/2017	01/01/2017
	VND	VND
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả		
Chênh lệch tạm thời được khấu trừ	34.270.275	-
	34.270.275	-
	Từ 01/01/2017 đến 30/06/2017	Từ 01/01/2016 đến 30/06/2016
	VND	VND
Chi phí thuế thu nhập hoãn lại tính vào Báo cáo kết quả kinh doanh		
Chênh lệch tạm thời phải chịu thuế	34.270.275	-
	34.270.275	-

31 . LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu có thể phân phối cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty được thực hiện dựa trên các số liệu sau :

	Từ 01/01/2017 đến 30/06/2017	Từ 01/01/2016 đến 30/06/2016
	VND	VND
Tổng lợi nhuận sau thuế	6.438.389.830	7.419.752.336
Lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông	6.438.389.830	7.419.752.336
Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong kỳ	39.700.000	39.700.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	162	187

Công ty chưa có dự tính trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi trên Lợi nhuận sau thuế cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN AN BÌNH101 Phố Láng Hạ, Phường Láng Hạ,
Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính**

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017

32 . CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Hệ thống quản lý rủi ro của công ty được thiết lập nhằm mục đích giảm thiểu các sự kiện rủi ro có thể xảy ra để Công ty đạt được mục tiêu kinh doanh và lợi nhuận một cách hiệu quả an toàn.

Công cụ tài chính của Công ty bao gồm:

Tài sản tài chính	Giá trị số kế toán			
	30/06/2017		01/01/2017	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Tiền và các khoản tương đương tiền	34.086.951.352	-	84.004.646.742	-
Các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ	87.421.412.878	-	110.826.315.388	-
Các khoản cho vay	305.859.387.347	(13.970.236.377)	316.726.845.360	(16.092.022.138)
Các khoản phải thu	29.807.900.162	(3.517.850.220)	30.543.335.841	(3.517.850.220)
Đầu tư dài hạn	20.000.000.000	-	5.000.000.000	-
	477.175.651.739	(17.488.086.597)	547.101.143.331	(19.609.872.358)
Công cụ nợ tài chính			30/06/2017	01/01/2017
			VND	VND
Vay và nợ			191.137.372.654	166.606.080.573
Phải trả người bán, phải trả khác			3.442.690.929	84.698.150.295
Chi phí phải trả			611.185.627	863.913.298
			195.191.249.210	252.168.144.166

Theo quy định tại Thông tư 210/2009/TT-BTC, Thông tư 146/2014/TT-BTC và Thông tư 334/2016/TT-BTC, tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính của Công ty đã được đánh giá lại theo giá trị hợp lý tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính của Công ty bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm theo dõi quy trình quản lý rủi ro để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về giá và lãi suất.

Rủi ro về giá:

Các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ do Công ty nắm giữ bị ảnh hưởng bởi các rủi ro thị trường phát sinh từ tính không chắc chắn về giá tương lai của cổ phiếu đầu tư. Công ty quản lý rủi ro về giá cổ phiếu bằng cách thiết lập hạn mức đầu tư. Hội đồng quản trị cũng xem xét và phê duyệt các quyết định đầu tư, bán chứng khoán tự doanh. Tại mỗi kỳ lập báo cáo, Công ty đánh giá rủi ro căn cứ vào tình hình thị trường: giá cổ phiếu, mức độ nắm giữ, trạng thái nắm giữ. Các khoản đầu tư cổ phiếu dài hạn được nắm giữ với mục đích chiến lược lâu dài, tại thời điểm kết thúc kỳ kế toán Công ty chưa có kế hoạch bán các khoản đầu tư này.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN AN BÌNH101 Phố Láng Hạ, Phường Láng Hạ,
Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính**

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017

Rủi ro về lãi suất:

Công ty chịu rủi ro về lãi suất do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường khi Công ty có phát sinh các khoản tiền gửi có hoặc không có kỳ hạn, các khoản vay và nợ chịu lãi suất đã được ký kết. Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách duy trì ở một mức độ hợp lý các khoản vay và các nguồn vay thích hợp từ việc phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho của Công ty.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty. Công ty có các rủi ro tín dụng từ hoạt động kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (bao gồm tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác).

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
	VND	VND	VND	VND
Tại ngày 30/06/2017				
Tiền và các khoản tương đương tiền	34.086.951.352	-	-	34.086.951.352
Các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ	87.421.412.878	-	-	87.421.412.878
Các khoản cho vay	291.889.150.970	-	-	291.889.150.970
Các khoản phải thu	26.290.049.942	-	-	26.290.049.942
Đầu tư dài hạn	-	20.000.000.000	-	20.000.000.000
	439.687.565.142	20.000.000.000	-	459.687.565.142
Tại ngày 01/01/2017				
Tiền và các khoản tương đương tiền	84.004.646.742	-	-	84.004.646.742
Các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ	110.826.315.388	-	-	110.826.315.388
Các khoản cho vay	300.634.823.222	-	-	300.634.823.222
Các khoản phải thu	27.025.485.621	-	-	27.025.485.621
Đầu tư dài hạn	-	5.000.000.000	-	5.000.000.000
	522.491.270.973	5.000.000.000	-	527.491.270.973

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN AN BÌNH101 Phố Láng Hạ, Phường Láng Hạ,
Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính**

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn khác nhau.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng (trên cơ sở dòng tiền của các khoản gốc) như sau:

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
	VND	VND	VND	VND
Tại ngày 30/06/2017				
Vay và nợ	191.137.372.654	-	-	191.137.372.654
Phải trả người bán và phải trả khác	3.442.690.929	-	-	3.442.690.929
Chi phí phải trả	611.185.627	-	-	611.185.627
	195.191.249.210	-	-	195.191.249.210
Tại ngày 01/01/2017				
Vay và nợ	166.606.080.573	-	-	166.606.080.573
Phải trả người bán và phải trả khác	84.698.150.295	-	-	84.698.150.295
Chi phí phải trả	863.913.298	-	-	863.913.298
	252.168.144.166	-	-	252.168.144.166

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN AN BÌNH101 Phố Láng Hạ, Phường Láng Hạ,
Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính**

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017

33 . BÁO CÁO BỘ PHẬN

Theo lĩnh vực kinh doanh

	Hoạt động môi giới, lưu ký chứng khoán	Hoạt động đầu tư tự doanh	Các hoạt động khác	Tổng cộng các bộ phận	Loại trừ	Tổng cộng toàn doanh nghiệp
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Doanh thu hoạt động	12.609.658.958	2.823.109.271	22.178.695.948	37.611.464.177	-	37.611.464.177
Chi phí hoạt động	6.039.767.799	6.674.769.452	756.550.000	13.471.087.251	-	13.471.087.251
Chi phí không phân bổ	-	-	-	16.869.326.872	-	16.869.326.872
Kết quả hoạt động	6.569.891.159	(3.851.660.181)	21.422.145.948	7.271.050.054	-	7.271.050.054
Tài sản bộ phận trực tiếp	2.070.349.319	129.270.395.422	291.889.150.970	423.229.895.711	-	423.229.895.711
Tài sản không phân bổ	-	-	-	197.791.470.916	-	197.791.470.916
Tổng tài sản	2.070.349.319	129.270.395.422	291.889.150.970	621.021.366.627	-	621.021.366.627
Nợ phải trả bộ phận trực tiếp	1.491.916.809	-	191.137.372.654	192.629.289.463	-	192.629.289.463
Nợ phải trả không phân bổ	-	-	-	4.922.787.158	-	4.922.787.158
Tổng nợ phải trả	1.491.916.809	-	191.137.372.654	197.552.076.621	-	197.552.076.621

Theo khu vực địa lý

Toàn bộ hoạt động kinh doanh của Công ty diễn ra trên lãnh thổ Việt Nam, do đó Công ty không lập báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN AN BÌNH101 Phố Láng Hạ, Phường Láng Hạ,
Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính**

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017

34 . NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Trong kỳ, Công ty có giao dịch với các bên liên quan như sau:

Mối quan hệ	Từ 01/01/2017	Từ 01/01/2016
	đến 30/06/2017	đến 30/06/2016
	VND	VND
Cổ tức được chia		
Ngân hàng TMCP An Bình (*)	1.171.809.420	1.078.577.760
Chi trả lãi vay		
Ngân hàng TMCP An Bình (*)	1.054.471.707	2.551.574.649

Số dư với các bên liên quan tại ngày kết thúc kỳ kế toán:

Mối quan hệ	30/06/2017	01/01/2017
	VND	VND
Đầu tư cổ phiếu, góp vốn		
Công ty Cổ phần Đầu tư Tổng hợp Hà Nội (*)	27.467.958.457	27.467.958.457
Công ty Cổ phần Giấy An Hòa (*)	23.600.000.000	38.600.000.000
Ngân hàng TMCP An Bình (*)	25.114.006.552	25.114.006.552
Công ty Cổ phần Tập đoàn Đầu tư An Bình (*)	4.015.400.000	4.400.000.000
Phải trả		
Ngân hàng TMCP An Bình (*)	115.496.834.490	93.737.360.863

(*) Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty hoặc người có liên quan của Chủ tịch Hội đồng quản trị là Chủ tịch Hội đồng quản trị của các đơn vị này.


Ngoài các thông tin về các bên liên quan đã được trình bày ở trên, giao dịch với các bên liên quan khác như sau:


	Từ 01/01/2017	Từ 01/01/2016
	đến 30/06/2017	đến 30/06/2016
	VND	VND
Thu nhập của Ban Tổng Giám đốc và Hội đồng Quản trị	1.248.389.091	1.071.040.000

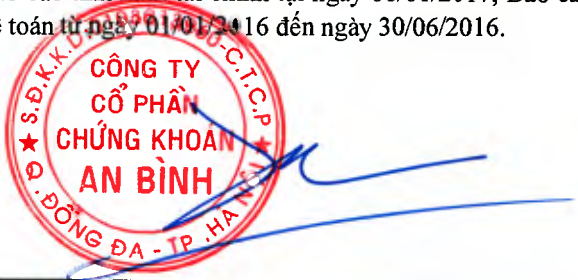
35 . SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh trên Báo cáo tình hình tài chính giữa niên độ và các thuyết minh tương ứng là số liệu của Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 đã được Công ty TNHH Kiểm toán và Thẩm định giá Việt Nam kiểm toán. Số liệu trên Báo cáo Kết quả hoạt động giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ, Báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu giữa niên độ và các thuyết minh tương ứng là số liệu của Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016 đã được Công ty TNHH Kiểm toán và Thẩm định giá Việt Nam soát xét.

Từ 01/01/2017, Luật Chứng khoán cho phép áp dụng nguyên tắc giá trị hợp lý nên Công ty áp dụng nguyên tắc giá trị hợp lý trong ghi nhận giá trị tài sản tài chính cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017. Công ty đã thực hiện trình bày lại một số chỉ tiêu trên Báo cáo tình hình tài chính tại ngày 01/01/2017, Báo cáo kết quả hoạt động và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016.


Quách Thị Xuân Thu
Người lập


Phạm Thị Vân
Kế toán trưởng


Nguyễn Thanh Hải
Tổng Giám đốc
Hà Nội, ngày 11 tháng 07 năm 2017

